

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 649 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án thí điểm “Tổ chức quản lý xe ô tô chung của các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh”

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C
Ngày: 13/4/17

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý và sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị quyết số 133/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sửa chữa, bảo dưỡng, điều chuyển, thanh lý, bán, liên doanh, liên kết, cho thuê, tiêu hủy tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng từ trực thuộc Sở Xây dựng sang trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 142/TTr-VPUBND ngày 10 tháng 3 năm 2017; thẩm định của Sở Tài chính tại văn bản số 596/STC-GCS ngày 22 tháng 3 năm 2017; và Sở Nội vụ tại văn bản số 239/SNV-TCBC&TCPCP ngày 22 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án thí điểm “Tổ chức quản lý xe ô tô chung của các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2017; giao:

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nội dung Đề án thí điểm "Tổ chức quản lý xe ô tô chung của các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh".

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án thí điểm này theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Giao thông-Vận tải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Trung tâm Hành chính tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lđ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, QTTV, HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Yên

ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM

**Tổ chức quản lý xe ô tô dùng chung của các cơ quan, đơn vị làm việc
tại Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý và sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị quyết số 133/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sửa chữa, bảo dưỡng, điều chuyển, thanh lý, bán, liên doanh, liên kết, cho thuê, tiêu hủy tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng từ trực thuộc Sở Xây dựng sang trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh Lâm Đồng;

Để tăng cường quản lý trong lĩnh vực sử dụng tài sản nhà nước; thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý và sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; đảm bảo quản lý tập trung, hiệu quả và thực hành tiết kiệm, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Đề án thí điểm "Tổ chức quản lý xe ô tô dùng chung của các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh" với các nội dung cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỬ DỤNG XE Ô TÔ
TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐANG LÀM VIỆC TẠI
TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH TỈNH**

Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng hiện đang bố trí địa điểm làm việc cho 19 Sở, ngành và 34 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (tại Đề án thí điểm này gọi chung là các cơ quan, đơn vị); công tác quản lý sử dụng xe ô tô đã thực hiện như sau:

1. Trang bị xe ô tô

1.1. Về số lượng:

a) Xe ô tô hiện có:

Tổng xe ô tô hiện có 60 xe (không bao gồm xe của Thanh tra Giao thông trực thuộc Sở Giao thông – Vận tải), trong đó:

- Các Sở, ban, ngành: 41 xe;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập: 19 xe;

(Chi tiết nhãn hiệu, biển kiểm soát, số xe ô tô hiện có của các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh theo Phụ lục số 01 đính kèm)

b) Tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô:

Theo định mức số xe ô tô được trang bị 51 xe, trong đó:

- Các Sở, ngành: 38 xe;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập: 13 xe;

c) So với tiêu chuẩn, định mức:

Số xe dồi dư so với tiêu chuẩn, định mức 09 xe, trong đó:

- Các Sở, ngành: 03 xe;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập: 06 xe;

1.2. Chất lượng phương tiện:

Trong tổng số phương tiện các cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng, hiện có 03 xe đã hư hỏng, không sử dụng được (01 xe Uoat 5 chỗ ngồi sản xuất năm 1990 của Sở Giao thông Vận tải; 01 xe Toyota 5 chỗ ngồi sản xuất năm 1993 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 01 xe Mazda 15 chỗ ngồi, sản xuất năm 1996 của Thanh tra tỉnh); số xe còn lại đang hoạt động bình thường.

Trong tổng số phương tiện các cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng: Số xe có năm sản xuất từ 15 năm trở lên 18 xe (chiếm 30%); số xe có số km sử dụng trên 200.000 km là 37 xe (chiếm 51,7%), cụ thể:

a) Chia theo số năm sử dụng:

TT	Phân loại theo niên hạn	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Dưới 10 năm (từ 2007 đến nay)	Chiếc	16	26,7
2	Từ 10 - dưới 15 năm (từ năm 2002 - 2006)	"	26	43,3
3	Từ 15 - dưới 20 năm (từ năm 1997 - 2001)	"	15	25
4	Từ 20 năm trở lên (từ năm 1996 trở về trước)	"	03	5
	Cộng chung:	Chiếc	60	

b) Chia theo số km đã sử dụng:

TT	Phân loại theo số km đã sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Dưới 100.000 km	Chiếc	12	20%
2	Từ 100.000 - dưới 200.000 km	"	11	18,3%
3	Từ 200.000 - dưới 300.000 km	"	13	21,7%
4	Từ 300.000 - dưới 400.000 km	"	15	25%
5	Từ 400.000 km trở lên	"	9	15%
	Cộng chung	Chiếc	60	

2. Công tác quản lý:

- Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô hiện nay thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Chi phí bảo trì, bảo dưỡng xe định kỳ do các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng xe tự chi trả.

- Trường hợp xe hư hỏng đang trong quá trình sửa chữa thì các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng xe tự thuê xe bên ngoài để phục vụ công tác.

- Định mức nhiên liệu cho từng xe do các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng xe tự xây dựng và thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của từng cơ quan, đơn vị.

3. Kinh phí chi sử dụng năm 2015

Tổng chi phí sử dụng ô tô và lái xe: **8.302 triệu đồng**, trong đó:

- Lương, phụ cấp cho lái xe: 4.662 triệu đồng, bình quân 86,327 triệu đồng/lái xe.

- Sửa chữa, bảo trì, các khoản chi khác: 3.640 triệu đồng; bình quân 61,687 triệu đồng/01 xe.

4. Những thuận lợi, hạn chế theo phương thức quản lý xe hiện nay

4.1. Thuận lợi:

- Chủ động trong quản lý phương tiện, kinh phí, con người, điều động xe; đáp ứng nhanh, kịp thời yêu cầu công tác;

- Chủ động trong việc bảo trì, bảo dưỡng, chế độ bảo hiểm phương tiện.

4.2. Hạn chế, khó khăn:

- Mỗi cơ quan, đơn vị đều sử dụng xe riêng nên khi đi công tác có nhiều người, nhiều cơ quan cùng tham gia tại một địa điểm, trong cùng một thời điểm (dự họp, hội nghị; các buổi làm việc liên ngành; các cuộc làm việc giữa các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh,... với các sở, ngành, địa phương liên quan...) gây tốn kém, lãng phí về phương tiện, lái xe phục vụ, gây phản cảm trong nhân dân.

- Khi công tác tại các địa bàn khác khó khăn: miền núi, vùng sâu vùng

xa, địa bàn có địa hình hiểm trở (cần sử dụng loại xe 2 cầu) thì hầu hết các cơ quan, đơn vị không có phương tiện do không được trang bị; trong khi đó một số cơ quan, đơn vị có xe 2 cầu thì nhàn rỗi không sử dụng.

- Công tác quản lý xe công tại một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chặt chẽ; còn sử dụng xe ô tô vào việc riêng (đi đám cưới, đi lễ hội, tham quan...) hoặc sử dụng không đúng tiêu chuẩn (đưa đón từ nhà riêng đến cơ quan và ngược lại); cá biệt có một số lãnh đạo các sở, ban, ngành, cán bộ công chức tự lái xe của cơ quan, đơn vị,... tạo nên dư luận không tốt trong nhân dân.

- Số xe dôi dư theo tiêu chuẩn định mức chưa làm thủ tục thanh lý hoặc điều chuyển, gây lãng phí tài sản, chi phí cho hoạt động cho các xe.

- Quản lý sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng xe còn hạn chế do không có cán bộ kỹ thuật chuyên ngành hoặc tiết giảm kinh phí chi thường xuyên nên gặp không ít khó khăn.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa khai thác hết công suất của xe được giao quản lý, sử dụng, hiệu quả sử dụng chưa cao, còn lãng phí bất cập.

PHẦN THỨ HAI

NỘI DUNG ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM

I. Mục tiêu

- Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ công tác trong các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh;

- Linh hoạt trong việc bố trí phương tiện vận chuyển theo số lượng người tham gia công tác và tùy thuộc tính chất công việc theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

- Việc trang bị, thay thế, bảo trì, bảo dưỡng sẽ được thực hiện thường xuyên, đúng quy định; đảm bảo việc sử dụng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị theo đúng tiêu chuẩn định mức và tuân thủ đúng quy định của Nhà nước;

- Khắc phục tình trạng sử dụng xe không đúng tiêu chuẩn, định mức, đối tượng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

II. Nội dung Đề án thí điểm:

1. Về tổ chức bộ máy:

Thành lập Đội xe ô tô dùng chung của các cơ quan, đơn vị làm việc trong Trung tâm hành chính tỉnh, số 36 đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Đà Lạt; trực thuộc Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh;

Đội xe ô tô dùng chung được bố trí 45 lao động; trong đó tuyển dụng mới 02 lao động để thực hiện nhiệm vụ: 01 Đội trưởng và 01 nhân viên làm công tác hành chính; đồng thời điều chuyển 43 nhân viên lái xe thuộc các cơ quan, đơn vị đang làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh về Đội xe mới thành lập; phân công

01 nhân viên lái xe (trong tổng số 43 lái xe được điều chuyển) kiêm nhiệm giữ nhiệm vụ Đội phó Đội xe.

(Chi tiết danh sách nhân viên lái xe từ các cơ quan, đơn vị thực hiện điều chuyển về Đội xe ô tô dùng chung theo Phụ lục số 2 đính kèm).

2. Phương tiện:

Điều chuyển 43 xe ô tô, trong tổng số 60 xe ô tô hiện do các cơ quan, đơn vị đã và đang làm việc trong Trung tâm hành chính tỉnh quản lý sang Đội xe ô tô dùng chung trực thuộc Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh như sau:

a) Giá trị:

- Nguyên giá theo sổ sách kế toán: 31.050.763.499 đồng;
- Giá trị còn lại: 12.749.549.024 đồng;

b) Theo chủng loại xe ô tô:

- Xe 04 chỗ : 04 xe;
- Xe 05 chỗ : 09 xe;
- Xe 07 chỗ : 26 xe;
- Xe 12 - 16 chỗ : 04 xe.

(Chi tiết nhãn hiệu, biển kiểm soát, nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản là xe ô tô thực hiện điều chuyển sang Đội xe ô tô dùng chung theo Phụ lục số 03 đính kèm)

3. Phương thức vận hành

3.1. Đối tượng sử dụng xe ô tô:

a) Đối với các chức danh lãnh đạo có phụ cấp từ 0.7 trở lên, được đưa, đón đi họp, đi công tác.

b) Công chức, viên chức được đăng ký và sử dụng xe công vụ trong việc đi công tác cách trụ sở làm việc trên 15 km theo yêu cầu của Chánh Văn phòng, Trưởng phòng hành chính hoặc Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị;

c) Các trường hợp đi gởi tiền, rút tiền tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng thương mại;

d) Trong trường hợp nhiều người cùng đi họp, dự hội nghị hội thảo, đi công tác...Đội xe sắp xếp xe đi chung;

đ) Những trường hợp cần thiết khác, do Thủ trưởng cơ quan quyết định việc bố trí xe phục vụ cho công tác của cơ quan, đơn vị mình.

3.2. Thủ tục đăng ký sử dụng xe

a) Khi các cơ quan, đơn vị có kế hoạch đi công tác bằng xe ô tô; cơ quan, đơn vị có người sử dụng xe phải đăng ký với Đội xe; căn cứ đối tượng, số lượng người sử dụng, địa bàn công tác... Đội xe bố trí xe phù hợp.

b) Trường hợp phải sử dụng xe khẩn cấp, đột xuất; Đội xe giải quyết điều xe kịp thời và yêu cầu các cơ quan, đơn vị lập các thủ tục bổ sung sau đó.

c) Quy định về thời gian đăng ký xe (ngoại trừ một số trường hợp đột xuất; hay nhu cầu công vụ đặc biệt):

- Ngày làm việc:

+ Đi trong thành phố: Đăng ký trước 15 phút;

+ Đi công tác các huyện, thành phố Bảo Lộc trong ngày: Đăng ký trước 30 phút;

+ Đi công tác xa ở lại đêm: Đăng ký trước 01 ngày.

- Ngày nghỉ:

+ Đi trong thành phố: Đăng ký trước 02 giờ

+ Đi công tác các huyện, thành phố Bảo Lộc trong ngày: Đăng ký trước 1 ngày;

+ Đi công tác xa ở lại đêm: Đăng ký trước 2 ngày

d) Quy định thời gian xe xuất phát tại Trung tâm hành chính:

- Đi họp theo giấy mời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh với số lượng đông người, bố trí xe đi chung; xe xuất phát trước giờ họp 10 phút;

- Đi họp theo giấy mời các đơn vị cấp huyện, thành phố với số lượng đông người, bố trí xe đi chung; thời gian xuất phát do Đội xe thông báo trước;

- Đối với các trường hợp đi trong thành phố trong ngày làm việc, chỉ cần đăng ký qua điện thoại.

3.3. Trách nhiệm thanh toán của các cơ quan, đơn vị sử dụng xe ô tô

a) Hàng tháng, phối hợp với Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh tổng hợp số liệu quyết toán một lần chi phí đi lại trong tháng của đơn vị mình.

b) Thanh toán chi phí đi lại trên số ki lô mét thực tế di chuyển.

c) Kế toán các cơ quan, đơn vị sử dụng xe có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ thanh toán lộ trình công tác trong chuyến công tác, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ theo quy định về chế độ tài chính.

d) Đơn vị sử dụng xe có trách nhiệm thanh toán kịp thời các chi phí liên quan trong chuyến công tác bao gồm lộ trình công tác và các chi phí khác có liên quan (nếu có).

đ) Đối với các trường hợp đưa đón tập trung hội họp tại UBND tỉnh và Tỉnh ủy thì các cơ quan, đơn vị không phải trả chi phí, kinh phí này tính vào chi phí của Đội xe ô tô dùng chung của Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh;

e) Đối với trường hợp xe ô tô đưa đón hội, họp ở địa bàn ngoài thành phố Đà Lạt, cơ quan đơn vị nào làm việc trong Trung tâm hành chính tỉnh chủ trì, thì

đơn vị đó chỉ trả chi phí; trường hợp không có đơn vị nào chủ trì thì chi phí sẽ phân bổ đều cho các cơ quan đơn vị có tham gia hội, họp...

4. Về kinh phí và dự toán kinh phí:

a) Mức thu:

- Xe từ 4 - 5 chỗ: 7.000 đồng/km;
- Xe từ 7 - 8 chỗ: 7.500 đồng/km;
- Xe từ 15 - 16 chỗ: 9.500 đồng/km.

b) Cơ chế tài chính:

- Ngân sách trang bị kinh phí mua sắm các tài sản ban đầu phục vụ công tác cho Đội xe;

- Điều chuyển dự toán kinh phí từ các cơ quan, đơn vị có lái xe được điều chuyển về Đội xe theo đúng định mức đã phân bổ theo dự toán cho các cơ quan, đơn vị năm 2017; kinh phí được xác định điều chuyển tính từ ngày Đề án thí điểm được phê duyệt; số thu từ tiền sử dụng xe ô tô dùng chung nộp toàn bộ vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

5. Xử lý chuyển tiếp

a) Về con người: Đối với 11 trường hợp nhân viên lái xe dôi dư khi thực hiện Đề án, được giải quyết như sau:

- Thanh lý hợp đồng đối với 01 trường hợp đã nghỉ hưu theo chế độ, sau đó cơ quan tiếp tục ký hợp đồng lao động làm nhiệm vụ lái xe (Sở Nội vụ: 01);

- Lập thủ tục cho 03 nhân viên lái xe đủ 60 tuổi để nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội trong năm 2017, là: 02 nhân viên lái xe nghỉ hưu vào ngày 01/4/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT; và 01 nhân viên lái xe của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh nghỉ hưu vào ngày 01/6/2017; 02 Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh giải quyết chế độ hưu trí đối với các đối tượng này theo quy định hiện hành;

- Lập thủ tục cho 07 nhân viên lái xe theo diện chính sách tinh giản biên chế (nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc) theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ do sắp xếp lại tổ chức, trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm 03 nhân viên lái xe; Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm 01 nhân viên lái xe; Sở Công Thương là 01 nhân viên lái xe; Sở Tài chính có 01 nhân viên lái xe và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội gồm 01 nhân viên lái xe.

Trong thời gian chờ quyết định giải quyết tinh giản biên chế của cơ quan có thẩm quyền nêu trên, các nhân viên lái xe được sắp xếp bố trí công việc phù hợp tại đơn vị cũ và hưởng đầy đủ các chế độ hiện hưởng;

(Chỉ tiết các lái xe được lập thủ tục thành lý hợp đồng, hoặc cho nghỉ chế độ thuộc diện chính sách tinh giản biên chế do sắp xếp lại tổ chức theo Phụ lục số 04 đính kèm);

b) Về xe ô tô: Đối với 17 xe dôi dư khi triển khai thực hiện Đề án thí điểm này, sẽ được xử lý như sau:

- Điều chuyển 03 (ba chiếc) xe ô tô dôi dư cho Chi cục Quản lý thị trường để thay thế các xe U-oát hiện có của Chi cục không còn bảo đảm an toàn kỹ thuật vận hành.

(Chi tiết số xe ô tô thực hiện điều chuyển cho Chi cục Quản lý thị trường tại Phụ lục số 05 kèm theo)

- 14 (mười bốn chiếc) xe ô tô còn lại các cơ quan, đơn vị được tạm giao quản lý, trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành Đề án thí điểm này thì Sở Tài chính rà soát đề đề xuất cho thanh lý hoặc điều chuyển đến các địa phương, cơ quan - đơn vị không làm việc trong Trung tâm hành chính tỉnh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô.

PHẦN THỨ BA ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Sử dụng nguồn xe ô tô công vụ hiện có đảm bảo sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, định mức và thực sự có hiệu quả; tránh tình trạng sử dụng xe không đúng mục đích.

2. Kiểm soát kinh phí, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm, chống lãng phí và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ Ngân sách nhà nước. Thực hiện theo nội dung của Đề án thí điểm là giảm 17 xe ô tô và 11 nhân viên lái xe; hàng năm Ngân sách nhà nước tiết kiệm khoảng **1.998,276 triệu đồng**, gồm:

- Tiết kiệm chi phí sử dụng ô tô: 17 xe x 61,687 triệu đồng = 1.048,679 triệu đồng;

- Tiết kiệm chi trả cho nhân viên lái xe: 11 người x 86.327.000 đồng = 949,594 triệu đồng;

(Chưa kể thời gian nhàn rỗi không tham gia vận hành xe ô tô của nhân viên lái xe khi cơ quan – đơn vị chủ quản chưa có nhu cầu sử dụng xe).

3. Việc sử dụng xe chung đối với các cơ quan, đơn vị làm việc tại Trung tâm hành chính tỉnh còn là mô hình mẫu, áp dụng thí điểm đầu tiên của cả nước, góp phần nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Lâm Đồng, tạo dư luận tốt và đồng thuận cao trong quần chúng nhân dân.

PHẦN THỨ TƯ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh:

a) Ban hành Quyết định thành lập Đội xe ô tô dùng chung trực thuộc Ban Quản lý trung tâm hành chính tỉnh; và các Quyết định có liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, điều hành hoạt động của Đội xe ô tô dùng chung cho các cơ quan, đơn vị làm việc trong Trung tâm hành chính tỉnh.

b) Chỉ đạo Ban Quản lý trung tâm hành chính tỉnh:

- Bố trí nơi làm việc, các điều kiện vật chất khác nhằm đảm bảo cho hoạt động của Đội xe ô tô dùng chung;

- Thực hiện việc tiếp nhận xe ô tô, và nhân viên lái xe theo đúng nội dung của Đề án thí điểm này;

- Điều hành thông suốt, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc sử dụng xe ô tô dùng chung của các cơ quan, đơn vị làm việc trong Trung tâm hành chính tỉnh; kịp thời chấn chỉnh, đề xuất điều chỉnh hoặc giải quyết những khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quản lý, điều hành Đội xe ô tô dùng chung; thường xuyên theo dõi cập nhật thông tin làm căn cứ cho việc tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án thí điểm vào cuối năm 2017.

2. Sở Tài chính:

a) Tham mưu UBND tỉnh:

- Điều chuyển xe ô tô hiện do các cơ quan đơn vị đang quản lý sang Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh như Phụ lục số 03 và điều chuyển xe ô tô cho Chi cục quản lý thị trường tỉnh theo Phụ lục 05 đính kèm Đề án thí điểm này;

- Điều chuyển kinh phí từ các cơ quan, đơn vị có lái xe được điều chuyển về Đội xe dùng chung theo đúng định mức đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị năm 2017; kinh phí được xác định để điều chuyển tính từ ngày Đề án thí điểm được phê duyệt.

b) Công bố đơn giá dịch vụ sử dụng xe ô tô công theo thẩm quyền quy định tại Điều 13 Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ làm cơ sở cho Ban quản lý Trung tâm hành chính và các đơn vị thực hiện.

c) Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giao thông Vận tải thực hiện bàn giao xe ô tô cho Ban Quản lý Trung tâm hành chính theo đúng quy định về quản lý công sản; đồng thời hướng dẫn đơn vị hạch toán tăng, giảm tài sản được điều chuyển theo quy định về chế độ kế toán thống kê.

3. Sở Nội vụ:

a) Hướng dẫn lập hồ sơ giải quyết chính sách tỉnh giản biên chế (nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc) theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đối với 07 nhân viên lái xe dôi dư đã ghi tại điểm a, mục 5, Phần thứ hai của Đề án thí điểm này.

b) Quyết định điều chuyển 04 lái xe thuộc diện biên chế hành chính từ các cơ quan, đơn vị sang Đội xe ô tô dùng chung thuộc Ban quản lý Trung tâm hành chính tỉnh.

c) Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao bổ sung số lượng 06 người làm việc (biên chế sự nghiệp) từ nguồn dự phòng của tỉnh để giao cho Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh.

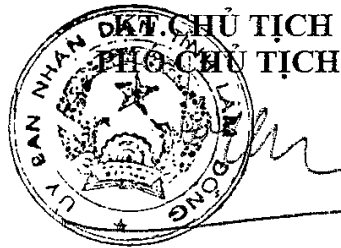
d) Tham mưu UBND tỉnh giao số lượng 39 người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn cho Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh để đảm bảo đủ số lượng 43 lái xe như cơ cấu tổ chức bộ máy của Đề án thí điểm này.

đ) Điều chỉnh biên chế hành chính, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động tại các cơ quan, đơn vị.

e) Trình Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để giải quyết chế độ nghỉ việc đối với số lái xe dôi dư theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Đề án thí điểm này, nếu có các quy định mới liên quan đến việc quản lý, sử dụng xe ô tô công hoặc có những nội dung chưa sát thực với điều kiện thực tế, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tham mưu, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Yên



Phụ lục 1:

CHI TIẾT
SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH
HIỆN ĐANG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

TT	Tên cơ quan(đơn vị)	Biển số đăng ký	Nhãn hiệu xe	Số chỗ ngồi	Xe sản xuất năm
1	Thanh tra tỉnh	49B-0387	Mazda	15	1996
		49B-1100	Ford	7	2006
2	Ban Dân tộc	49B-0411	Mitsubisi-Pajero	7	2000
		49B-0983	Ford-Lazer	4	2005
3	Sở Ngoại vụ	49B-1015	Mitshubishi Pajero	7	2004
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	49B-0916	Camry	4	1999
		49B-0857	Toyota Lancruiser	7	2011
5	Sở Y tế	49B-1107	Mitsubishi	7	2007
		49B-1226	Ford everet(ADB)	7	2010
6	Sở Xây dựng	49B-1090	Mussossangyoung	7	2006
		49B-0929	Fordlaser	5	2001
7	Ban Quản lý các khu công nghiệp	49B-0976	Ford	5	2004
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	49B-0980	Mitsubishi	7	2002
		49A-00316	Ford	7	2012
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	49B-0895	Mitshubishi Pajero	7	2004
		49B-0447	Toyota Lancruiser	6	1999
10	Sở Tài chính	49B-1080	Hiace commuter	15	2005
		49A-00234	Misubishi Pajero	7	2003
		49B-0298	BMW	4	1998
11	Sở Công Thương	49B-0821	Mitsubisi	7	2004
		49A - 00311	Ford	7	2012
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	49B-0454	Ford	4	2000
		49B-0397	Musso	5	1996
		49B-0457	Toyota	4	1999
13	Sở Giao thông Vận tải	49B-1239	Ford	4	2010
		49B0324	Toyota	16	1998
		49B-0975	Zace	7	2004
14	Sở Nội vụ		Escape	5	2004
		49B-0730			
15	Sở Lao động Thương binh và XH	49B-1179	Mitsubishi Jolie	8	2005
		49B-0918	Ford Escape	5	2002
		49A-00358	Misubishi	7	2012
16	Sở Tư pháp	49B-1143	Mussossangyoung	7	2005
		49B-0866	Toyota Hiace	16	2004
17	Sở Thông tin và Truyền thông	49B-0977	Fordlaser	4	2003
		49B-1034	ISUZU	7	2004

18	Sở Giáo dục và Đào tạo	49B-0162	Mazda	4	1997
		49B-0790	Toyota Hiace	16	2001
		49B0739	Toyota Lancruiser	7	2000
		49B-0369	Toyota	12	1998
19	Sở Khoa học và Công nghệ	49B-0672	Toyota Hiace	15	2003
		49A-00340	Ford everet	8	2012
20	Văn phòng Đăng ký Đất đai	49A-00436	Mitshubishi	7	2015
21	Trung tâm Kỹ thuật TN và MT	49B-1167	Ford everet	7	2010
22	Ban QLDA PT Cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất các tỉnh Tây Nguyên	49A-00348	Ford everet	7	2014
23	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	49B-0489	Mitshubishi Pajero	7	1999
24	Trung tâm nước sạch và VSMT NT	49B-0222	Toyota	5	1993
25	Trung tâm QLĐT và KT thủy lợi	49B-1222	Ford everet	7	2010
		49H-7433	Mussossangyoung	7	2003
26	Chi cục Phát triển Nông thôn	49B-0945	Mussossangyoung	7	2001
27	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	49M-00002	Ford Ranger XLT	5	2010
28	Ban QLDA cạnh tranh ngành chăn nuôi và An toàn thực phẩm	49M-00034	Fortuner	7	2011
29	Trung tâm Khuyến nông	49B-0517	Ford Ranger	5	2004
30	Chi cục thủy lợi	49B-0753	Mitshubishi Pajero	7	2003
31	Trung tâm tư vấn QLDA và KĐGTVT	49B-1234	Ford Escape	5	2010
		409B-0769	Ford Escape	5	2003
32	Văn phòng Ban ATGT	49A-00039	Nissan Patrol	7	2002
33	Chi cục QLCL Nông lâm và Thủy sản	49B-0445	Mitshubishi Pajero	7	2003
34	Trung tâm Khuyến công	49B-0322	Mazda	5	1999
35	Ban Thi đua - Khen thưởng	49B-0919	Camry	5	2000
36	Ban QLDA Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam	29A-01785	Toyota	7	2015
	Tổng số xe			60	
	Số xe 4 chỗ ngồi			8	
	Số xe 5 chỗ ngồi			12	
	Số xe 6 chỗ ngồi			1	
	Số xe 7 chỗ ngồi			30	
	Số xe 8 chỗ ngồi			2	
	Số xe 12 chỗ ngồi			1	
	Số xe 15 chỗ ngồi			3	
	Số xe 16 chỗ ngồi			3	
	Số xe 29 chỗ ngồi			0	

**DANH SÁCH NHÂN VIÊN LÁI XE CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
LÀM VIỆC TRONG TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH TỈNH ĐIỀU CHUYỂN
VỀ NHẬN NHIỆM VỤ TẠI ĐỘI XE Ô TÔ DỪNG CHUNG TRỰC THUỘC
BAN QUẢN LÝ TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH TỈNH**

TT	Họ và tên	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Ghi chú
01	Nguyễn Đức Hùng	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	
02	Đại Đức Sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	
03	Phạm Duy Hào	Sở Nội vụ tỉnh	
04	Nguyễn Thanh Trà	Ban Thi đua-Khen thưởng (Sở Nội vụ)	
05	Nguyễn Đắc Vinh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	
06	Phan Công Hoàng	Chi cục Thủy lợi (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
07	Phạm Văn Nguyên	Chi cục Phát triển nông thôn (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
08	Nguyễn Văn Tuyên	Chi cục Quản lý chất lượng sản phẩm Nông lâm thủy sản (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
09	Nguyễn Văn Duẩn	Trung tâm quản lý đầu tư và khai thác Thủy lợi (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
10	Phan Công Thành	Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
11	Lê Quốc Bình	Trung tâm Khuyến nông (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
12	Nguyễn Đình Hải	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
13	Phạm Viết Tiên	BQL dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
14	Nguyễn Hùng Tráng	BQL dự án cạnh tranh chăn nuôi và ATVSTP (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
15	Lê Trung Thành	BQL dự án tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội)	
16	Phan Văn Thỏa	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh	
17	Nguyễn Minh Hùng	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
18	Đào Duy Tuấn	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
19	Nguyễn Văn Hùng	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh	
20	Bùi Đức Duy	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh	
21	Trần Như Lộc	Văn phòng Sở Công Thương tỉnh	
22	Nguyễn Thanh Phương	Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh	
23	Võ Phan Sin	Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh	
24	Phạm Nhân	Ban Dân tộc tỉnh	
25	Lê Nguyên Khôi	Ban Dân tộc tỉnh	
26	Phan Thanh Hương	Văn phòng Sở Y tế tỉnh	
27	Phạm Văn Thành	Văn phòng Sở Y tế tỉnh	

28	Đào Quang Hoàng	Sở Ngoại vụ tỉnh	
29	Trương Văn Cảnh	Văn phòng Sở Giao thông - Vận tải	
30	Trần Ngọc Thuận	Văn phòng Sở Giao thông - Vận tải	
31	Nguyễn Thông Thăng	Văn phòng Ban An toàn giao thông (Sở Giao thông - Vận tải)	
32	Đào Duy Khoa	BQL bảo trì đường bộ (Sở Giao thông - Vận tải)	
33	Nguyễn Hữu Cường	Trung tâm tư vấn quản lý dự án và kiểm định giao thông vận tải (Sở Giao thông - Vận tải)	
34	Trần Thanh Phương	Văn phòng Sở Tài chính	
35	Nguyễn Văn Dũng	Thanh tra tỉnh	
36	Nguyễn Thắng	Văn phòng Sở Tư pháp	
37	Bùi Xuân Bình	Văn phòng Sở Xây dựng	
38	Nguyễn Hà Mạnh Tuấn	Văn phòng Sở Xây dựng	
39	Nguyễn Duy Vũ	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	
40	Lương Minh Hiền	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	
41	Võ Đông Vũ	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường)	
42	Nguyễn Phú Hưng	Văn phòng đăng ký đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường)	
43	Lê Quốc Tuấn	Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh	

- Tổng cộng danh sách là **43 nhân viên lái xe ô tô** (bốn mươi ba nhân viên)



Phụ lục số 3

CHI TIẾT

XE Ô TÔ ĐIỀU CHUYỂN TỪ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VỀ ĐỘI XE Ô TÔ DÙNG CHUNG

STT	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	BIỂN KIỂM SOÁT	NHÂN HIỆU	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CHUYỂN GIAO
1	Thanh tra tỉnh	49B-1100	Ford	532.198.000	212.379.200
2	Ban dân tộc	49B-0983	Ford Lazer	561.357.000	112.272.000
3	Sở Ngoại vụ	49B-1015	Mitshubishi Pajero	384.536.000	245.062.000
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	49B-0857	Toyota Lancruiser	1.895.347.952	110.561.965
5	Sở Y tế	49B-1107	Mitsubishi	1.077.501.125	292.649.305
6		49B-1226	Ford Everest (ADB)	777.226.008	525.871.116
7	Sở Xây dựng	49B-1090	Musso Sangyoung	541.620.000	189.567.000
8		49B-0929	Ford Laser	367.528.000	128.634.800
9	Ban quản lý các khu công nghiệp	49B-0976	Ford	678.377.000	60.440.000
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	49A-00316	Ford	854.450.000	512.670.000
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	49B-0895	Mitshubishi Pajero	515.000.000	206.000.000
12	Sở Tài chính	49B-1080	Hiace Commuter	515.411.000	180.393.850
13	Sở Công thương	49B-0821	Mitsubishi	769.174.022	230.752.207
14		49A - 00311	Ford	857.900.000	343.160.000
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	49B-0454	Ford	365.000.000	127.750.000
16	Sở Giao thông Vận tải	49B-1239	Ford	800.000.000	284.444.445
17		49B-0975	Zace	392.419.000	26.161.267
18	Sở Nội vụ	49B-0730	Escape	615.000.000	215.250.000
19		49B-1179	Mitsubishi Jolie	476.397.000	190.558.800
20	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	49B-0918	Ford Escape	565.367.440	226.146.976
21		49A-00358	Misubishi	967.150.000	580.290.000
22	Sở Tư pháp	49B-1143	Musso Sangyoung	526.990.000	210.796.000
23		49B-0866	Toyota Hiace	489.050.000	195.620.000
24	Sở Thông tin và Truyền thông	49B-0977	Ford Laser	250.000.000	137.500.000
25		49B-1034	Isuzu	840.570.000	437.096.400
26	Sở Giáo dục và Đào tạo	49B-0790	Toyota Hiace	429.438.000	171.775.200
27		49B-0739	Toyota Lancruiser	966.317.000	386.526.800
28	Sở Khoa học và Công nghệ	49B-0672	Toyota Hiace	424.100.000	169.640.000
29		49A-00340	Ford Everest	869.656.000	579.712.690

30	Văn phòng Đăng ký Đất đai	49A-00436	Mitshubishi	1.104.343.000	1.030.683.321
31	Trung tâm Kỹ thuật TN và MT	49B-1167	Ford Everest	820.860.200	400.697.797
32	Ban QLDA PT Cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất các tỉnh Tây Nguyên	49A-00348	Ford Everest	1.057.600.000	916.516.160
33	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	49B-0489	Mitshubishi Pajero	512.732.300	264.912.080
34	Trung tâm QLĐT và KT thủy lợi	49B-1222	Ford Everest	752.000.000	300.800.000
35		49H-7433	Mussosangyoung	550.000.000	192.500.000
36	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	49M-00002	Ford Ranger XLT	650.000.000	292.500.000
37	Ban QLDA cạnh tranh ngành chăn nuôi và An toàn thực phẩm	49M-00034	Fortuner	1.095.067.200	493.533.600
38	Trung tâm Khuyến nông	49B-0517	Ford Ranger	650.000.000	292.500.000
39	Chi cục thủy lợi	49B-0753	Mitshubishi Pajero	512.732.300	264.912.080
40	Trung tâm tư vấn QLDA&KĐGTVT	49B-1234	Ford Escape	645.000.000	258.000.000
41		49B-0769	Ford Escape	675.000.000	270.000.000
42	Ban Thi đua - Khen thưởng	49B-0919	Toyota Camry	825.000.000	371.250.000
43	Ban QLDA Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam	29A-01785	Toyota	1.895.347.952	110.561.965
TỔNG CỘNG		43 xe		31.050.763.499	12.749.549.024

**DANH SÁCH NHÂN VIÊN LÁI XE CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
LÀM VIỆC TRONG TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH TỈNH SẼ GIẢI QUYẾT
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐÓ SẮP XẾP LẠI TỔ CHỨC THEO NĐ 108/2014/NĐ-CP**

TT	Họ và tên	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Ghi chú
01	Võ Như Thông	Sở Nội vụ tỉnh	
02	Lương Thanh Sơn	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	
03	Đặng Ngọc Thọ	Chi cục Thủy lợi (Sở Nông nghiệp và PTNT)	
04	Vĩnh Anh	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản (Sở Nông nghiệp và PTNT)	
05	Lê Văn Tuấn	Trung tâm quản lý đầu tư và khai thác Thủy lợi (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)	
06	Hoàng Văn Hiên	Ban quản lý dự án hạ tầng Tây Nguyên	
07	Nguyễn Thiên Ân	Văn phòng Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh	
08	Nguyễn Hữu Tâm	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh)	
09	Nguyễn Xuân Minh	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh	
10	Trịnh Xuân Chiến	Văn phòng Sở Công Thương	
11	Nguyễn Văn Long	Văn phòng Sở Tài chính tỉnh	

- Tổng cộng danh sách là 11 nhân viên lái xe ô tô (mười một nhân viên)

**THỐNG KÊ XE Ô TÔ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LÀM VIỆC TRONG TRUNG TÂM
HÀNH CHÍNH TỈNH ĐIỀU CHUYỂN VỀ CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
(Thuộc Sở Công Thương tỉnh) KHI THÀNH LẬP ĐỘI XE Ô TÔ DÙNG CHUNG TRỰC THUỘC
BAN QUẢN LÝ TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH TỈNH**

TT	Cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng xe	Biển kiểm soát	Nhãn hiệu xe ô tô	Nguyên giá	Giá trị tài sản khi chuyển giao	Ghi chú
01	Ban Dân tộc tỉnh	49B-0411	Mitsubishi Pajero	595.700.990đ	208.495.340đ	
02	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh	49B-0890	Mitsubishi	595.383.000đ	224.451.000đ	
03	Sở Tài chính	49A 00234	Mitsubishi Pajero	583.107.000đ	226.185.000đ	

- Tổng cộng danh sách là 03 xe ô tô (ba xe ô tô)